TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2024/DS-ST
Ngày: 03-5-2024
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Bình

2. Bà Bùi Thị Thu Nhi

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Trà My – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 4 năm 2024 và ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2023/TLST-DS ngày 02/10/2023 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐST-DS ngày 21/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Bùi Mỹ Y**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: số 26/3 N, phường H, TP. M, tỉnh T.

2. Bị đơn: Ông **Đinh Hữu T**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 995 L, xã Đ, TP. M, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn là bà Bùi Mỹ Y trình bày:

Ngày 24/10/2020 âm lịch, ông Đinh Hữu T có mượn bà số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 24/11/2020 âm lịch, ông T mượn tiếp số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 25/4/2022, ông T mượn tiếp số tiền 100.000.000 đồng qua thẻ tín dụng và phần nợ cũ số tiền 107.000.000 đồng. Mục đích vay để làm điện công trình. Tổng cộng là

507.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông T trả cho bà số tiền 507.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Đinh Hữu T được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ đương sự. Về nội dung: Đề nghị đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ thẻ tín dụng 100.000.000 đồng và tiền nợ cũ 107.000.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đinh Hữu T trả cho bà Bùi Mỹ Y số tiền vay 300.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, bà Bùi Mỹ Y yêu cầu ông Đinh Hữu T trả số tiền vay 507.000.000 đồng. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

Xét ông Đinh Hữu T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 mà vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T tại phiên tòa.

Xét tại phiên tòa, bà Y xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ thẻ tín dụng 100.000.000 đồng và số tiền nợ cũ 107.000.000 đồng là tự nguyện và phù hợp quy định khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bà Bùi Mỹ Y trình bày là bà có cho ông Đinh Hữu T vay số tiền 300.000.000 đồng. Cụ thể: ngày 24/10/2020 âm lịch, ông T vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 24/11/2020 âm lịch, ông T vay tiếp số tiền 200.000.000 đồng. Ông T có viết biên nhận xác nhận số tiền nợ 300.000.000 đồng và ký tên vào ngày 24/11/2020 âm lịch. Hai bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng nhưng ông T không thực hiện.

[2.2] Theo nội dung biên nhận ngày 24/11/2020 (âm lịch) do ông Đinh Hữu T viết và ký tên thể hiện: "Ngày 24/11/2020 âm lịch T có mượn của D 300.000.000 (ba trăm triệu đồng)" (BL 02). Theo xác nhận của UBND phường H, thành phố M thể hiện bà Y còn có tên thường gọi ở nhà là D. Xét thấy, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có ý kiến phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào nội dung biên nhận ngày

24/11/2020 (âm lịch), Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, buộc ông T có nghĩa vụ trả cho bà Y số tiền vay 300.000.000 đồng.

[2.3] Về tiền lãi: Xét nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Mỹ Y về yêu cầu khởi kiện buộc ông Đinh Hữu T trả số tiền nợ thẻ tín dụng 100.000.000 đồng và tiền nợ cũ 107.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Mỹ Y.

- Buộc ông Đinh Hữu T có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Mỹ Y số tiền vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Hữu T phải chịu 15.000.000 đồng. Hoàn lại bà Bùi Mỹ Y số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 12.140.000 đồng theo biên lai thu số 0024271 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Nhật

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T
- VKSND TP. M
- Chi cục THADS TP. M
- Các đương sự
- Lưu HSAV